

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày 17 tháng 8 năm 2018
"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Quang Thái

2, Bà Lê Thị Bích Thuần

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đức T, sinh năm 1969 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện X, tỉnh P.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đức S, sinh năm 1972 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện X, tỉnh P.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Đức H, sinh năm 1957 “vắng mặt”

- Ông Phạm Đức T, sinh năm 1959 “vắng mặt”.

- Ông Phạm Đức L, sinh năm 1962 “vắng mặt”.

- Ông Phạm Đức L1, sinh năm 1966 “vắng mặt”.

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1977;

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Phạm Đức S, sinh năm 1972 (Theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 4 năm 2018) “có mặt”.

- Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1996 “vắng mặt”;

- Chị Phạm Thị A, sinh năm 1998 “vắng mặt”;

- Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1973;

- Anh Phạm Đức N, sinh năm 1991;

- Chị Dương Thị Th, sinh năm 1995;

- Chị Phạm Thị Th1, sinh năm 1997;

Người đại diện hợp pháp của bà Th2, anh N, chị Th và chị Th1: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1969 (Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 3 năm 2018) “có mặt”.

Các đương sự cùng có địa chỉ: Thôn B, xã Ph, huyện X, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Đức T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Trần Thị Th2, anh Phạm Đức N, chị Dương Thị Th, chị Phạm Thị Th1 trình bày: Bố ông là cụ Phạm Đức H, mẹ là cụ Trần Thị B. Cụ H và cụ B sinh được có 6 người con gồm: ông và ông Phạm Đức S, ông Phạm Đức H, ông Phạm Đức T, ông Phạm Đức L, ông Phạm Đức L1, các cụ không ai có con riêng và không có con nuôi.

Cụ Phạm Đức H chết năm 1998, cụ Trần Thị B chết năm 1994. Khi còn sống hai cụ có tạo dựng được 611m² đất, số thửa 14, tờ bản đồ số 13 đất tại Thôn B, xã Ph, huyện X. Khi chết cụ H và cụ B không để lại di chúc về việc phân chia khối tài sản trên. Nhưng năm 1991 bố mẹ ông cho ông ở riêng và cho một phần đất khoảng 200m² trong tổng diện tích đất 611m² nêu trên. Khi cho chỉ nói miệng, không viết giấy tờ gì, không đo đạc thực tế mà do bố ông chỉ mốc giới để ông sử dụng. Việc bố mẹ cho ông đất các anh em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì, không ai tranh chấp gì. Năm 1991 ngay sau khi được cho đất ông đã xây nhà cấp bốn 3 gian để gia đình ở và xây dựng tường bao loan tách phần đất của ông được bố mẹ cho với phần đất của hai cụ đang ở với ông S. Đến năm 2002 ông xây lại nhà cấp 4 ba gian, vài năm sau thì xây tiếp công trình phụ, còn tường bao loan vẫn giữ nguyên như khi được bố mẹ cho ra ở riêng và đã thực hiện việc nộp thuế hàng năm. Hiện trên đất có các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 ba gian xây

năm 2002, công trình phụ là bếp và truồng chăn nuôi xây năm 2005 cùng cây cối trên đất. Công trình xây dựng trên đất là do vợ chồng ông làm và đang ở trên đất.

Năm 2001 sau khi địa phương có chủ trương cấp giấy chứng nhận thì ông đã đứng ra kê khai và ký tên cụ H theo hướng dẫn của cán bộ địa chính để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ H vào năm 2001, trong khi cụ H đã chết từ năm 1998.

Nay ông có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông S không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của bố mẹ ông khi chết để lại và cho ông được hưởng khoảng 250m². Trong thời hạn Tòa án giải quyết các anh của ông có đề nghị ông và ông S ai đang sử dụng đâu thì tiếp tục sử dụng đấy. Nay ông đề nghị Tòa án phân chia di sản của bố mẹ ông khi chết để lại và cho ông được hưởng phần diện tích đất ông đang sử dụng theo như nguyện vọng của bố mẹ ông đã cho ông từ năm 1991 theo số liệu đo đạc thực tế ngày 12 tháng 6 năm 2018, ông chỉ xin sử dụng 50m² đất ở còn lại là đất trồng cây lâu năm trong tổng diện tích đất ông đang sử dụng là 268 m². Phần còn lại bao nhiêu thì để ông S sử dụng.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án ông có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Đức H nhưng sau đó ông xin rút yêu cầu này.

Bị đơn ông Phạm Đức S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Vũ Thị H trình bày và xác nhận: Về quan hệ gia đình và việc khi bố mẹ ông còn sống tạo lập được khối tài sản 611m², khi bố mẹ ông chết không để lại di chúc về việc phân chia tài sản như nguyên đơn trình bày là đúng nên không bổ sung gì thêm.

Đối với thửa đất 611m² mà ông T đang khởi kiện có nguồn gốc của bố mẹ ông để lại. Khi còn sống bố mẹ ông đã mua cho các ông L1, L, T, H mỗi người một thửa đất riêng ở nơi khác. Còn đất của ông cha là 611m² tại thôn Nam Bản bố mẹ ông đã cắt cho ông T một phần ra ở riêng vào năm 1991 với diện tích khoảng 200m² (chính là phần đất hiện nay ông T đang ở), ngay sau khi cho thì ông T đã xây nhà cấp 4, ba gian để ở và tường bao loan, phần còn lại là 411m² bố mẹ ông cho ông khoảng hơn 200m², còn lại là của hai cụ nhưng không phân định giành giới vì tại thời điểm đó ông là người sống cùng các cụ. Khi bố mẹ cho ông và ông T đất thì chỉ nói bằng miệng chứ không viết giấy tờ gì và cũng không qua chính quyền địa phương. Sau khi bố mẹ ông chết thì ông là người sử dụng toàn bộ diện tích đất khoảng 411m².

Sau khi bố ông chết đến khoảng tháng 8 năm 1998 thì ông T phá tường xây lấn sang đất của hai cụ và ông đang ở. Ông có yêu cầu các anh em trong gia đình lập biên bản về việc ông T xây lấn sang đất nhà ông hiện nay ông không còn giữ

được văn bản này nhưng văn bản chỉ có nội dung là ai sử dụng đâu tiếp tục sử dụng đấy không được lấn sang phần đất của người khác. Sau đó, ông và ông T tiếp tục ở trên phần đất như hiện trạng khi kiểm tra thực tế ngày 12 tháng 6 năm 2018. Năm 2014 ông T yêu cầu ông đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ H để đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông không đồng ý. Ông không đồng ý cho ông T đất thổ cư từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ đồng ý cho ông T 200m² đất trồng cây lâu năm tách từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại thì phải trả cho ông.

Năm 2001 ông có biết việc địa phương có chủ trương cấp sổ đỏ cho toàn xã tuy nhiên ai đứng ra kê khai để cấp sổ đỏ mang tên cụ H thì ông không biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông đang quản lý.

Năm 2003 ông và vợ ông đã xây nhà cấp 4 bốn gian, công trình phụ và trồng cây cối các con ông còn nhỏ không có đóng góp gì vào việc xây dựng. Hiện nay ông cùng vợ là bà Vũ Thị H và các con ông đang ở trên phần đất tranh chấp.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T, ông không đồng ý. Nếu chia thì ông đề nghị chia 611m² đất và các phần đất khác của 04 người anh ông đang sử dụng (ông sẽ có đơn trình bày cụ thể sau) đồng thời cả 5 người còn lại phải thanh toán toàn bộ khoản nợ khoảng 2 tỷ đồng của các cụ khi còn sống đã vay, sau khi các cụ chết thì ông là người đứng ra trả nợ ông đã nộp cho Tòa án 01 khế ước vay tiền ngày 05 tháng 3 năm 1995 bản phô tô (các giấy tờ vay nợ với ngân hàng còn lại ông sẽ xuất trình cho Tòa án sau) và khoản tiền thuế nhà đất ông đã nộp từ năm 1998 đến nay.

Khi bố ông còn sống có ký khế ước vay tiền ngày 05 tháng 3 năm 1995 có ghi người thừa kế là Phạm Đức S nên toàn bộ diện tích đất 611m² là của ông vì ông là người thừa kế. Đối với khế ước vay tiền này thì bố ông đã trả hết vào ngày 28 tháng 5 năm 1996 sau đó bố ông không ký giấy vay nợ của ai khác nữa. Khi bố mẹ ông còn sống có ốm đau, bệnh tật ông đã trực tiếp chăm sóc còn các anh em khác không có trách nhiệm gì, vì vậy ông đề nghị Tòa án xem xét đối với phần công sức của ông. Khi mẹ ông chết thì bố ông đứng ra lo chi phí mai táng, khi bố ông chết thì anh em cùng lo chi phí mai táng.

Trường hợp ông T muốn tách đất từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông là Phạm Đức H thì ông chỉ đồng ý cho ông T 200m² đất trồng cây lâu năm trên phần đất ông T sử dụng từ năm 1991 đến nay, phần đất mà ông T đang sử dụng nhiều hơn diện tích bố mẹ cho thì ông T phải lại trả cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2018 ông H trình bày và xác nhận: Về quan hệ gia đình và việc bố

mẹ ông khi còn sống tạo lập được khối tài sản 611m² như nguyên đơn trình bày là đúng nên không bổ sung gì thêm.

Khi còn sống năm 1991 bố mẹ ông đã cho ông T phần đất mà ông T đang sử dụng nhưng khi cho chỉ nói bằng miệng chứ không lập thành văn bản, khi cho đất thì bố mẹ ông chỉ áng chừng và chỉ phần đất cho ông T để ông T làm nhà, các anh em trong gia đình đều biết. Sau khi cho ông T làm nhà xây tường bao loan trên diện tích đất mà hiện ông T đang sử dụng không có sê dịch gì. Phần đất còn lại bố mẹ ông ở cùng với ông S. Từ năm 1991 đến nay ông T và ông S đã sử dụng đất ổn định, làm nhà trên đất, các anh em trong gia đình không ai có ý kiến gì. Ông T muốn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông S không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 611m² đất, số thửa 14, tờ bản đồ số 13 tại thôn B, xã Ph ông không đòi hỏi quyền lợi gì trong tài sản này vì ông đã có đất nơi khác. Diện tích đất 611m² do ông T và ông S tự giành xếp ông không có ý kiến gì. Nguyên vọng của ông đối với diện tích đất 611m² là đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế để xác định diện tích đất mà ông T, ông S đang sử dụng đâu thì tiếp tục sử dụng đấy vì đất đã có ranh giới từ năm 1991 đến nay.

Tại lời khai ngày 07 tháng 6 năm 2018 ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông là Phạm Đức H nay ông không yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông là Phạm Đức H nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2018 ông T trình bày và xác nhận: Về quan hệ gia đình và việc bố mẹ ông khi còn sống tạo lập được khối tài sản 611m² như nguyên đơn trình bày là đúng nên không bổ sung gì thêm. Khi bố mẹ ông chết không để lại di chúc về việc phân chia tài sản. Phần đất trên hiện ông T và ông S đang sử dụng còn ông được bố mẹ cho ra ở riêng ngay sau khi kết hôn và ở trên mảnh đất khác.

Diện tích đất 611m² khi còn sống bố mẹ đã cho ông T và ông S có mốc giới rõ ràng không ai có ý kiến gì và hai người ở ổn định cho đến năm 2014 ông T có ý định tách bìa đồ riêng nhưng ông S không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản của bố mẹ để lại, là một phần diện tích đất 611m² ông không đòi hỏi quyền lợi gì trong tài sản này vì ông đã có đất nơi khác. Diện tích đất 611m² do ông T và ông S tự giành xếp ông không có ý kiến gì. Phần ông T đang sử dụng thì ông T sử dụng, phần còn lại là của ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2018 ông L trình bày và xác nhận:

Về quan hệ gia đình và việc bố mẹ ông tạo lập được khối tài sản 611m² như nguyên đơn trình bày là đúng nên không bổ sung gì thêm.

Khi bố mẹ còn sống có tạo lập được diện tích đất 611m², ông T và ông S mỗi người ở một phần từ năm 1991. Bố mẹ ông không để lại di chúc. Năm 2014 ông T làm bì đỏ nhưng ông S không nghe.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho ông T khoảng 250m² đất trong 611m² đất ông hoàn toàn nhất trí vì phù hợp với ý nguyện của bố mẹ ông. Ông đã có chỗ ở riêng không đòi hỏi quyền lợi đối với 611m², ông T và Ông S tự giàn xếp để cả hai được cấp bì đỏ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức L1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 6 năm 2018 ông L1 trình bày và xác nhận: Về quan hệ gia đình và việc bố mẹ ông tạo lập được khối tài sản 611m² như nguyên đơn trình bày là đúng nên không bổ sung gì thêm.

Năm 1990 bố mẹ ông đã tách cho ông T phần đất mà hiện ông T đang sử dụng, khi tách không có giấy tờ gì, phần đất còn lại hai cụ vẫn ở cùng ông S.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 611m² đất quan điểm của ông là ông T và ông S đang sử dụng đều thì tiếp tục sử dụng đấy, vì đất đã có gianh giới từ năm 1991 đến nay.

Ông đã có chỗ ở nên từ chối nhận di sản và đề nghị để ông T và ông S sử dụng như hiện tại. Ông không đồng ý chia diện tích đất trên cho 06 người con.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giao cho ông T sử dụng 268m² đất (trong đó có 50m² đất thổ cư và 218m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 14, tờ bản đồ số 13 ở Thôn B, xã Ph, huyện X, phần còn lại giao cho ông S sử dụng như thực tế các bên đang sử dụng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Đức T thì ông T yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông khi chết để lại là 611m² đất (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Đức Huỳnh), số thửa 14, tờ bản đồ số 13 tại Thôn B, xã Ph, huyện X theo quy định pháp luật và xin sử dụng một phần diện tích đất khoảng 250m². Do vậy, đây là vụ kiện tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

[2] Tại phiên tòa ông T đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ ông khi chết để lại theo nguyện vọng của bố mẹ ông khi còn sống, ông xin sử dụng 50m² đất thổ cư, còn lại là 218 m² đất trồng cây lâu năm; tổng diện tích đất là 268m² đất vì toàn bộ diện tích đất này bố mẹ ông đã cho ông sử dụng từ năm 1991 cho đến nay. Bị đơn cũng thừa nhận nguồn gốc diện tích 611m² đất, số thửa 14, tờ bản đồ số 13 tại Thôn B, xã Ph, huyện X là của cụ B cụ H và thừa nhận năm 1991 hai cụ đã cho ông T khoảng 200m² đất, chính là phần đất ông T đang ở, ông T đã xây tường bao quanh và xây nhà ở trên đất từ năm 1991 đến nay. Phần đất còn lại cụ B cụ H cho ông S khoảng 200m², còn lại là của hai cụ nhưng vẫn chưa chia tách làm hai vì ông S là người ở cùng với cụ B cụ H.

Nay ông T khởi kiện ông S không đồng ý cho ông T tách đất từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông Phạm Đức H. Nếu ông T muốn lấy đất từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông thì ông đồng ý tách cho ông T 200m² trồng cây lâu năm, phần còn lại thì ông T phải trả cho ông.

Hội đồng xét xử thấy cụ H, cụ B sinh được 6 người con là Phạm Đức T, Phạm Đức S, Phạm Đức H, Phạm Đức T, Phạm Đức L, Phạm Đức L1. Khi còn sống cụ H cùng cụ B có tạo dựng được khối tài sản là 611m² đất thổ cư có số thửa 14, tờ bản đồ số 13 tại thôn B, xã Ph, huyện X. Khi chết các cụ không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất trên nhưng theo lời khai của ông T, ông H, ông L1, ông T, ông L, ông S thì tại thời điểm hai cụ còn sống năm 1991 đã tách đất cho ông T và ông S ra ở riêng. Khi cho đất không làm bằng văn bản và cũng không đo đạc cụ thể diện tích đất cho là bao nhiêu và tại thời điểm cho chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa thể hiện rõ diện tích đất thổ cư và diện tích đất trồng cây lâu năm là bao nhiêu. Sau khi cụ H cụ B cho ông T đất thì ông T cùng vợ làm nhà và xây tường bao quanh diện tích đất được

cho và ở ổn định từ đó đến nay các anh em của ông T không có ý kiến gì. Phần đất còn lại ông S ở cùng với hai cụ và từ khi hai cụ chết thì ông S tiếp tục sử dụng cho đến nay. Nay ông H, ông L1, ông T, ông L đề nghị Tòa án phân chia diện tích đất trên cho ông T và ông S theo diện tích đất thực tế mà hai ông đang sử dụng, ai đang sử dụng đâu thì người đó tiếp tục sử dụng, các ông không đòi hỏi quyền lợi gì trong khối tài sản của bố mẹ.

Theo như việc xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 12 tháng 6 năm 2018 thì ông T đang quản lý sử dụng 268m² đất trong khối di sản của cụ H và cụ B và ông S đang quản lý sử dụng 343m² đất trong khối di sản của cụ H và cụ B. Đối với phần tài sản thừa kế theo nguyện vọng của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị giữ nguyên hiện trạng phân sử dụng đất của ông T và ông S. Trong tổng diện tích đất 611m² có 200m² đất thổ cư còn lại là đất trồng cây lâu năm nhưng ông T chỉ xin sử dụng 50m² đất thổ cư và 218 m² đất trồng cây lâu năm, phần đất còn lại để ông S sử dụng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cho ông T sử dụng 268m² đất (trong đó có 50m² đất thổ cư và 218m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 14, tờ bản đồ số 13 ở Thôn B, xã Ph, huyện X; giao cho ông S sử dụng 343m² đất (trong đó có 150m² đất thổ cư và 193m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 14, tờ bản đồ số 13 ở Thôn B, xã Ph, huyện X. Theo biên bản định giá tài sản tài sản ngày 26 tháng 6 năm 2018 thì đất các đương sự đang tranh chấp có giá là 500.000đồng/m² đất ở; 60.000đồng/m² đất trồng cây lâu năm. Như vậy trị giá tài sản mà ông T được hưởng là 38.080.000đồng; ông S được hưởng là 86.580.000đồng.

Trong thời hạn giải quyết vụ án ông S đề nghị chia 611m² đất cùng các phần đất khác và yêu cầu cả 5 người còn lại phải thanh toán toàn bộ khoản nợ khoảng 2 tỷ đồng của các cụ khi còn sống đã vay, sau khi các cụ chết thì ông là người đứng ra trả nợ nhưng ông không nộp các tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đối với khế ước vay tiền ngày 05 tháng 3 năm 1995, ông S thừa nhận bố ông là cụ H đã trả hết vào ngày 28/5/1996. Ngày 18 tháng 6 năm 2018 Tòa án tiến hành lập biên bản làm việc với ông S để yêu cầu ông S làm đơn yêu cầu và nộp các tài liệu chứng cứ liên quan nhưng ông S không làm đơn và cũng không nộp các chứng cứ tài liệu để chứng minh cho yêu cầu mà ông S nêu ra. Do vậy, Tòa án không tiến hành xem xét đối với các yêu cầu của ông S trong vụ án.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Đức H, theo lời trình bày của các đương sự thì việc địa phương cấp giấy nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cho cụ H thì cụ H đã chết. Thời điểm này do không hiểu biết về pháp luật nên ông T đi kê khai và khai tên chủ sử dụng đất là Phạm Đức H nên nhà nước cấp giấy đứng tên cụ H, thời điểm cấp giấy cụ H đã chết. Việc địa phương cấp giấy chứng nhận cho người đã chết là không phù hợp nhưng về nguồn gốc đất

là của cụ H và cụ B nên việc cấp giấy không làm ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Do vậy, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 700582/QSDĐ/512/QĐUB ngày 04 tháng 10 năm 2001 mang tên Phạm Đức H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông S đang quản lý).

[3] Về chi phí tố tụng: Trong thời hạn giải quyết vụ án ông T đã nộp tiền để chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản nay ông T xin tự nguyện chịu cả không yêu cầu ông S phải thanh toán trả lại cho ông phần chênh lệch. Do vậy không buộc ông S phải thanh toán trả tiền chi phí tố tụng cho ông T.

[4] Về án phí: Ông T và ông S mỗi người phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 609, 610, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức T.

Giao cho ông Phạm Đức T tiếp tục sử dụng diện tích đất 268m² (trong đó có 50m² đất thổ cư và 218m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 14, tờ bản đồ số 13 ở Thôn B, xã Ph, huyện X, cùng toàn bộ các tài sản khác được xây dựng trên đất, thể hiện theo hình vẽ theo hình HNKEFGH (có sơ đồ kèm theo)

Giao cho ông Phạm Đức S tiếp tục sử dụng diện tích đất 343m² (trong đó có 150m² đất thổ cư và 193m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 14, tờ bản đồ số 13 ở Thôn B, xã Ph, huyện X, cùng toàn bộ các tài sản khác được xây dựng trên đất, thể hiện theo hình vẽ HIJKNH (có sơ đồ kèm theo).

Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 700582/QSDĐ/512/QĐUB ngày 04 tháng 10 năm 2001 mang tên Phạm Đức H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông S đang quản lý).

Về án phí: Ông Phạm Đức T phải chịu 1.904.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đồng, theo biên lai số AA/2016/0002484 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Bình Xuyên. Ông T còn phải nộp 654.000đồng (Sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng).

Ông Phạm Đức S phải chịu 4.329.000đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THA DS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phùng Thị Tố Uyên

